TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 73/2024/DS-ST.
Ngày: 17-7-2024.
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Tùng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đinh Ngọc Dình.

Ông Đỗ Hữu Quang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Hồng- Thư ký Toà án của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành tỉnh Long An.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Ngân- Kiểm sát viên.

Trong các ngày 11 và 17 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Châu Thành tỉnh Long An, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 397/2023/TLST-DS ngày 04 tháng 12 năm 2023 về việc "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 70/2024/QĐXXST-DS, ngày 24 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Đông Nam Á (SeAbank), địa chỉ: Số 198 Trần Quang Khải, phường Lý Thái Tổ, quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Văn Tần- Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị SeAbank.

Người đại diện theo ủy quyền:

1. Ông Nguyễn Hoàng Nam, chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ địa bàn Miền Nam- xử lý nợ KV Miền Nam, địa chỉ liên hệ: Số 29, đường Trà Quý Bình, Phường 2, thành phố Tân An, tỉnh Long An (theo văn bản ủy quyền ngày 10 tháng 4 năm 2024). (xin vắng mặt)

2. Ông Trần Ngọc Hợp, chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ tố tụng- xử lý nợ KV Miền Nam, địa chỉ liên hệ: Số 859, đường Trần Hưng Đạo, Phường 1, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh (theo văn bản ủy quyền ngày 10 tháng 4 năm 2024). (xin vắng mặt)

Bị đơn:

1. Ông Bùi Tuấn H, sinh năm 1986 (vắng mặt).

2. Bà Nguyễn Như Ý, sinh năm 1994 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Số nhà 273/8, Ấp 8, xã H, huyện Châu Thành, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn là Ngân hàng TMCP Đông Nam Á trình bày trong đơn khởi kiện và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày trong quá trình giải quyết vụ án như sau:

Ngày 17/01/2022, Ngân hàng TMCP Đông Nam Á (SeAbank)- chi nhánh Long An với vợ chồng ông Bùi Tuấn H và bà Nguyễn Như Ý đã ký và thực hiện hợp đồng cho vay theo hạn mức số REF2201300377/HDTD/LAB-BTH, với nội dung như sau:

Hạn mức tín dụng có giá trị tối đa là 1.100.000.000 đồng, thời hạn hiệu lực của hạn mức tín dụng là 24 tháng kể từ ngày ký hợp đồng này. Thời hạn cho vay tối đa của mỗi khoản vay trong hạn mức tín dụng không quá 09 tháng. Việc cho vay quá thời hạn này sẽ do SeABank xem xét, chấp thuận. Thời hạn cho vay của từng khế ước nhận nợ có thể kết thúc sau thời hạn có hiệu lực của hợp đồng hạn mức. Mục đích vay là để bổ sung vốn kinh doanh.

Lãi suất vay: lãi suất cho vay (trong hạn) và cơ chế điều chỉnh lãi suất được quy định cụ thể trong khế ước nhận nợ hoặc các văn bản liên quan ký kết giữa bên vay và ngân hàng. Lãi suất cho vay áp dụng đối với dư nợ gốc quá hạn bằng 150% mức lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Mức lãi suất này được áp dụng kể từ thời điểm khoản nợ gốc của bên vay bị chuyển quá hạn đến khi bên vay thanh toán hết nợ gốc quá hạn. Lãi suất chậm trả áp dụng đối với tiền lãi chậm trả là 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả, tương ứng với thời gian chậm trả. Mức lãi suất này được áp dụng kể từ thời điểm khoản tiền lãi của bên vay bị quá hạn đến khi bên vay thanh toán hết khoản tiền lãi quá hạn.

Thực hiện hợp đồng trên, ngân hàng đã giải ngân và ông H, bà Ý đã nhận nợ là 1.100.000.000 đồng, bằng hình thức chuyển khoản vào số tài khoản 3979633979 của chủ tài khoản Trần Thị Yến Nhi tại ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội chi nhánh Long An, theo khế ước nhận nợ số REF2201300377/lần 02 ngày 19/10/2022, cụ thể :

Thời hạn cho vay: Tính từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân, là ngày 20/10/2022, ngày đến hạn là ngày 20/7/2023.

Lãi suất cho vay (trong hạn) tại thời điểm giải ngân là 14%/năm. Lãi suất cho vay trong hạn sẽ được cố định trong suốt thời hạn cho vay.

Kỳ hạn trả nợ: Trả lãi vào ngày 20 hàng tháng, ngày trả lãi đầu tiên là ngày 20/11/2022. Gốc trả cuối kỳ vào ngày 20/7/2023.

Ngoài ra, ông H còn được cấp một thẻ tín dụng theo đơn đề nghị vay vốn và đề nghị kiêm hợp đồng hạn mức, phát hành, sử dụng thẻ tín dụng quốc tế dành cho khách hàng cá nhân ký ngày 05/02/2021. Dư nợ tạm tính đến ngày 04/8/2023 là 60.157.736 đồng.

Tài sản bảo đảm cho khoản vay trên là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 388, tờ bản đồ số 19, diện tích 721,7m^2, loại đất ở tại nông thôn, tọa lạc xã Thuận Mỹ, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CN 580272 số vào sổ cấp GCN: CS 09848 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Long An cấp ngày 08/5/2018, ngày 16/12/2020 chuyển nhượng QSDĐ cho ông Bùi Tuấn H, cập nhật biến động ngày 06/01/2021 và ngày 09/7/2021.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, ông H và bà Ý đã trả cho ngân hàng số tiền là 12 đồng nợ gốc và 63.784.141 đồng tiền lãi.

Bên vay đã vi phạm nghĩa vụ trả gốc và lãi cho ngân hàng, ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc, yêu cầu ông H, bà Ý thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ cho ngân hàng, nhưng ông H và bà Ý vẫn không thực hiện theo yêu cầu của ngân hàng, có biểu hiện kéo dài thời gian và cố tình trốn tránh nghĩa vụ trả nợ.

Tạm tính đến ngày 17/7/2024, ông H và bà Ý còn nợ ngân hàng số tiền như sau:

Nợ gốc hợp đồng tín dụng là 1.100.000.000 đồng.

Nợ lãi trong hạn là 52.025.826 đồng.

Nợ lãi quá hạn là 234.908.322 đồng.

Nợ gốc thẻ tín dụng là 50.000.000 đồng.

Nợ lãi thẻ tín dụng là 38.773.973 đồng.

Tổng số tiền nợ là 1.475.708.121 đồng.

Nay ngân hàng TMCP Đông Nam Á (SeABank) yêu cầu ông Bùi Tấn H và bà Nguyễn Như Ý trả cho ngân hàng TMCP Đông Nam Á (SeABank) tổng số tiền vay và tiền lãi tính đến hết ngày 17/7/2024 là 1.475.708.121 đồng. Buộc ông H và bà Ý thanh toán cho Ngân hàng các khoản tiền lãi, phí phát sinh theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ và đơn đề nghị vay vốn, đề nghị kiêm hợp đồng hạn mức, phát hành, sử dụng thẻ tín dụng quốc tế dành cho khách hàng cá nhân ngày 05/02/2021 kể từ ngày 18/7/2024 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ. Trường hợp ông H và bà Ý không thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho ngân hàng thì ngân hàng yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự tiến hành kê biên, phát mãi tài sản bảo đảm của khoản vay để thu hồi nợ cho ngân hàng, cụ thể là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 388, tờ bản đồ số 19, diện tích 721,7m^2, loại đất ở tại nông thôn, tọa lạc xã Thuận Mỹ, theo giấy chứng nhận QSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CN 580272 số vào sổ cấp GCN: CS 09848 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Long An cấp ngày 08/5/2018, ngày 16/12/2020 chuyển nhượng QSDĐ cho ông Bùi Tuấn H, cập nhật biến động ngày 06/01/2021 và ngày 09/7/2021. Nếu số tiền thu được từ bán/ xử lý tài sản bảo đảm vẫn không đủ để trả nợ cho ngân hàng thì ông H, bà Ý vẫn phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng cho đến khi tất toán toàn bộ khoản vay.

Bị đơn ông Bùi Tuấn H và bà Nguyễn Như Ý không tham gia tố tụng, không có ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn.

Các đương sự không còn trình bày hay yêu cầu gì khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa trình bày: Tòa án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, hòa giải và xét xử.

Nội dung: Nguyên đơn cung cấp được chứng cứ là hợp đồng tín dụng số REF2201300377/HDTD/LAB-BTH, đơn đề nghị vay vốn và đề nghị kiêm hợp đồng hạn mức, phát hành, sử dụng thẻ tín dụng quốc tế dành cho khách hàng cá nhân ký ngày 05/02/2021. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 288, 357, 463, 466 và 470 của Bộ luật dân sự năm 2015, chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn kiện bị đơn tranh chấp hợp đồng tín dụng. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành tỉnh Long An thụ lý giải quyết.

[2] Nguyên đơn xin vắng mặt tại phiên tòa, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 227 và 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn, bị đơn.

[3] Ngày 17/01/2022, nguyên đơn và bị đơn xác lập hợp đồng tín dụng số REF2201300377/HDTD/LAB-BTH; ông H còn được cấp một thẻ tín dụng theo đơn đề nghị vay vốn và đề nghị kiêm hợp đồng hạn mức, phát hành, sử dụng thẻ tín dụng quốc tế dành cho khách hàng cá nhân ký ngày 05/02/2021. Các hợp đồng tín dụng trên được các đương sự tự nguyện thỏa thuận và xác lập, phù hợp với quy định của pháp luật, nên các hợp đồng tín dụng trên là căn cứ để giải quyết về quyền và nghĩa vụ của các bên.

[4] Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả nợ vay với nợ gốc của hợp đồng tín dụng là 1.100.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 52.025.826 đồng, nợ lãi quá hạn là 234.908.322 đồng; nợ gốc thẻ tín dụng là 50.000.000 đồng, nợ lãi thẻ tín dụng là 38.773.973 đồng, tổng số tiền nợ là 1.475.708.121 đồng (tiền lãi tính đến ngày 17 tháng 7 năm 2024), tiếp tục tính lãi trên số tiền gốc còn nợ từ ngày 18 tháng 7 năm 2024 cho đến khi bị đơn trả xong số tiền nợ. Bị đơn không tham gia tố tụng, không có ý kiến gì về việc khởi kiện của nguyên đơn. Hội đồng xét xử xét thấy nguyên đơn cung cấp được đầy đủ chứng cứ để chứng minh là bị đơn có vay tiền và còn nợ tiền vay như nguyên đơn trình bày. Bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền vay và tiền lãi theo thỏa thuận giữa các bên trong hợp đồng tín dụng, yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp với quy định tại các Điều 288, 463, 466, 468 và 470 của Bộ luật dân sự năm 2015, nên chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn có nghĩa vụ liên đới trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc của hợp đồng tín dụng là 1.100.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 52.025.826 đồng, nợ lãi quá hạn là 234.908.322 đồng; nợ

gốc thẻ tín dụng là 50.000.000 đồng, nợ lãi thẻ tín dụng là 38.773.973 đồng, tổng số tiền nợ là 1.475.708.121 đồng (tiền lãi tính đến ngày 17 tháng 7 năm 2024), tiếp tục tính lãi trên số tiền gốc còn nợ từ ngày 18 tháng 7 năm 2024 với mức lãi suất theo hợp đồng tín dụng số REF2201300377/HDTD/LAB-BTH và theo đơn đề nghị vay vốn và đề nghị kiêm hợp đồng hạn mức, phát hành, sử dụng thẻ tín dụng quốc tế dành cho khách hàng cá nhân ký ngày 05/02/2021 cho đến khi trả xong số tiền nợ.

[5] Nguyên đơn yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ. Hội đồng xét xử xét thấy hợp đồng thế chấp tài sản số REF2103900457/HDTC/LAB-BTH, ngày 09 tháng 02 năm 2021 giữa nguyên đơn và bị đơn có đăng ký thế chấp theo quy định của pháp luật (đăng ký thế chấp vào ngày 09 tháng 02 năm 2021 tại chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện Châu Thành), nên cần tiếp tục thực hiện hợp đồng thế chấp để đảm bảo việc thi hành án.

[6] Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 4.000.000 đồng, nguyên đơn đã nộp tạm ứng số tiền này. Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu chi phí này, buộc bị đơn có nghĩa vụ trả lại cho nguyên đơn số tiền là 4.000.000 đồng.

[7] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, nên chấp nhận.

[8] Về án phí: Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng các Điều 288, 463, 466, 468 và 470 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu trả tiền vay và tiền lãi của ngân hàng TMCP Đông Nam Á (SeABank), buộc ông Bùi Tấn H và bà Nguyễn Như Ý liên đới trả cho Ngân hàng TMCP Đông Nam Á (SeABank) nợ gốc của hợp đồng tín dụng là 1.100.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 52.025.826 đồng, nợ lãi quá hạn là 234.908.322 đồng; nợ gốc thẻ tín dụng là 50.000.000 đồng, nợ lãi thẻ tín dụng là 38.773.973 đồng, tổng số tiền nợ gốc và tiền lãi tính đến ngày 17 tháng 7 năm 2024 là 1.475.708.121 đồng (một tỷ bốn trăm bảy mươi lăm triệu bảy trăm lẻ tám nghìn một trăm hai mươi một đồng), tiếp tục tính lãi với lãi suất quy định trong hợp đồng tín dụng và theo đơn đề nghị vay vốn và đề nghị kiêm hợp đồng hạn mức, phát hành, sử dụng thẻ tín dụng quốc tế dành cho khách hàng cá nhân từ ngày 18 tháng 7 năm 2024, cho đến khi ông Bùi Tấn H và bà Nguyễn Như Ý trả xong số tiền nợ.

Tiếp tục thực hiện hợp đồng thế chấp tài sản số REF2103900457/HDTC/LAB-BTH, ngày 09 tháng 02 năm 2021 giữa Ngân hàng TMCP Đông Nam Á (SeABank), ông Bùi Tấn H và bà Nguyễn Như Ý, có đăng ký thế chấp theo quy định của pháp luật (đăng ký thế chấp vào ngày 09 tháng 02 năm 2021 tại chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện Châu Thành), để đảm bảo việc thi hành án.

Ông Bùi Tấn H và bà Nguyễn Như Ý phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 4.000.000 đồng (bốn triệu đồng), Ngân hàng TMCP Đông Nam Á (SeABank) đã nộp tạm ứng số tiền này. Ông Bùi Tấn H và bà Nguyễn Như Ý có nghĩa vụ trả lại cho Ngân hàng TMCP Đông Nam Á (SeABank) số tiền là 4.000.000 đồng (bốn triệu đồng).

2. Về án phí:

Ngân hàng TMCP Đông Nam Á (SeABank) không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho Ngân hàng TMCP Đông Nam Á (SeABank) số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 24.330.000 đồng (hai mươi bốn triệu ba trăm ba mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0008501 ngày 30 tháng 11 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành tỉnh Long An.

Ông Bùi Tấn H và bà Nguyễn Như Ý phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 56.271.243 đồng (năm mươi sáu triệu hai trăm bảy mươi một nghìn hai trăm bốn mươi ba đồng).

3. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm.

4. Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận**:*
-Tòa án tỉnh;
-Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành;
-Cơ quan thi hành án huyện Châu Thành;
-Các đương sự;
-Lưu (hồ sơ, án văn)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Văn Tùng